TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. QUY NHƠN - T. BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 762/2020/HNGĐ-ST
Ngày 26 - 8 - 2020
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Huy Huệ

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Cao Thị Chính

2. Bà Hoàng Thị Thành

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trịnh Trần Thị Thoa - Thư ký Tòa án nhân dân TP. Quy Nhơn.

- ***Đại diện VKSND Tp. Quy Nhơn tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hoa Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn - tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 400/2020/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2020 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 107/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/7/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị T - Sinh năm: 1975
Trú tại: Thôn B, xã H, huyện TP, tỉnh BĐ.
- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Quốc L - Sinh năm: 1971
Trú tại: Tổ 43, KV5, phường QT, thành phố QN, tỉnh BĐ.
(*Chị T có mặt, anh L vắng mặt không lý do*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/5/2020 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày*:**

Chị và anh Nguyễn Quốc L tự nguyện tìm hiểu và được gia đình hai bên cho phép tổ chức hỏi cưới theo phong tục, chung sống vào tháng 6 năm 1994 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Chị và anh L chung sống hạnh phúc thời gian ngắn, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh L thường xuyên ăn nhậu rồi về nhà chửi và đánh chị, có lúc đuổi chị ra khỏi nhà. Mặc dù chị và người thân đã khuyên can nhiều lần nhưng anh vẫn không thay đổi. Nay chị nhận thấy cuộc sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, chị yêu cầu Tòa giải quyết cho chị được

ly hôn với anh L. Về con chung, quá trình chung sống anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Văn K, sinh ngày 25/8/1995 và cháu Nguyễn Văn Kh, sinh ngày 16/4/1998. Hiện nay các cháu đã trưởng thành, tự lập nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Bị đơn anh Nguyễn Quốc L*:**

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh L đã nhận các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không đến Tòa để khai báo. Tại phiên tòa hôm nay, anh L cũng vắng mặt không lý do.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của BLTTDS kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay bị đơn không chấp hành pháp luật. Về việc giải quyết vụ án, KSV đề nghị HĐXX áp dụng Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014: Không công nhận chị Nguyễn Thị T với anh Nguyễn Quốc L là vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Quốc L vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án (điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 BLTTDS).

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào nội dung tranh chấp của các đương sự, HĐXX xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là "ly hôn" (khoản 1 Điều 28 BLTTDS), thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân TP. Quy Nhơn (điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS).

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Quốc L tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1994 nhưng không có đăng ký kết hôn. HĐXX xét: Chị T và anh L có đủ điều kiện kết hôn theo quy định pháp luật nhưng anh chị không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng (theo khoản 1 Điều 14 Luật HNGĐ 2014). Nay chị T và anh L phát sinh mâu thuẫn, chị T có đơn yêu cầu ly hôn thì Tòa án vẫn thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng (theo Điều 53 Luật HNGĐ 2014).

[2.2] Về nuôi con chung: Trong quá trình chung sống, anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Văn K và cháu Nguyễn Văn Kh. Hiện nay các cháu đã trưởng thành, tự lập. Chị T không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[2.3] Về chia tài sản: Chị T không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc

Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; chị T phải chịu 300.000 đồng án phí HNGĐ sơ thẩm.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của HĐXX.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 và Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử*:**

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Quốc L.

2. Về nuôi con chung: Không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

3. Về chia tài sản: Không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ án phí HNGĐ sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0007951 ngày 29/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự TP. Quy Nhơn. Chị T đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND Tp. Quy Nhơn;
- Chi cục THADS Tp. QN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phạm Thị Huy Huệ